

Số: /2025/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng năm 2025

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý hoạt động đo đạc bản đồ và công tác
giám sát, kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu sản phẩm
bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về việc quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Ban hành Quy định về quản lý hoạt động đo đạc bản đồ và công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu sản phẩm bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động đo đạc bản đồ và công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu sản phẩm bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .../.../2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị, Chủ đầu tư các chương trình, dự án, đề án công trình, nhiệm vụ đo đạc bản đồ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ
- Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công nghệ Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (...).

(để b/c);

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản

QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động đo đạc bản đồ và công tác giám sát, kiểm tra,
thẩm định, nghiệm thu sản phẩm bản đồ địa chính
trên địa bàn tỉnh Hải Dương
(Ban hành kèm theo Quyết định số/2025/QĐ-UBND
ngày ... tháng ... năm 2025 của UBND tỉnh Hải Dương)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này quy định về quản lý hoạt động đo đạc bản đồ và công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu sản phẩm bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Hải Dương.
- Quy này không áp dụng đối với hoạt động đo đạc bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng - an ninh của các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn tỉnh Hải Dương.
- Các quy định về quản lý hoạt động đo đạc bản đồ và công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu sản phẩm bản đồ địa chính không quy định tại quy định này, thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý và hoạt động đo đạc bản đồ trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Nguyên tắc chung

- Các hoạt động đo đạc bản đồ trên địa bàn tỉnh phải tuân thủ quy định tại Quyết định này, các quy định của pháp luật đo đạc và bản đồ hiện hành và pháp luật khác có liên quan.
- Sản phẩm đo đạc bản đồ trước khi đưa vào sử dụng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký duyệt theo quy định.
- Sản phẩm đo đạc bản đồ sau khi hoàn thành, ký duyệt phải được bàn giao, lưu trữ, quản lý, theo dõi, cập nhật và khai thác theo quy định.
- Công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu sản phẩm được tiến hành thường xuyên và có hệ thống trong quá trình thực hiện trên cơ sở kế hoạch giám sát, kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu theo tiến độ thi công từng hạng mục

hoặc toàn bộ sản phẩm.

5. Chủ đầu tư sử dụng đơn vị trực thuộc hoặc thuê đơn vị giám sát, kiểm tra có chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật thực hiện giám sát, kiểm tra sản phẩm cấp chủ đầu tư.

6. Các tổ chức, cá nhân thi công công trình, sản phẩm phải thực hiện kiểm tra, nghiệm thu chất lượng, khối lượng của tất cả các hạng mục sản phẩm trước khi chủ đầu tư, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, nghiệm thu.

7. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản pháp luật mới hoặc có văn bản quy phạm pháp luật mới thay thế cho các nội dung của Quy định này thì áp dụng thực hiện theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ liên quan đến công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu sản phẩm bản đồ địa chính được hiểu như sau:

1. Giám sát: là hoạt động theo dõi về tiến độ thực hiện và việc tuân thủ các quy chuẩn, quy định kỹ thuật và các quy định trong các chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

2. Kiểm tra: là việc thực hiện các phương pháp kỹ thuật để đánh giá chất lượng, xác định khối lượng các hạng mục công việc, sản phẩm theo các quy chuẩn, quy định kỹ thuật và các quy định trong các chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

3. Thẩm định: là việc đánh giá chất lượng, khối lượng công trình hoặc hạng mục công trình trên cơ sở hồ sơ, các sản phẩm hoặc hạng mục công việc đã hoàn thành và tài liệu liên quan khác;

4. Nghiệm thu: là việc chủ đầu tư xác nhận chất lượng, khối lượng các hạng mục công việc đã hoàn thành trên cơ sở kết quả giám sát, kiểm tra, thẩm định chất lượng, khối lượng, sản phẩm bản đồ địa chính;

5. Cơ quan quyết định đầu tư: là cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng vốn đầu tư cho công trình đo đạc lập bản đồ;

6. Chủ đầu tư: là cơ quan sở hữu vốn hoặc được cơ quan quyết định đầu tư giao quản lý và sử dụng vốn để đầu tư công trình đo đạc lập bản đồ;

8. Đơn vị Giám sát: là tổ chức trong nước, nhà thầu nước ngoài được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ và được chủ đầu tư giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc ký hợp đồng sau khi trúng thầu thực hiện nhiệm vụ giám sát công trình, sản phẩm cấp chủ đầu tư;

7. Đơn vị kiểm tra: là tổ chức trong nước, nhà thầu nước ngoài được cơ

quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ và được chủ đầu tư giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc ký hợp đồng sau khi trúng thầu thực hiện nhiệm vụ kiểm tra công trình, sản phẩm cấp chủ đầu tư

9. Đơn vị thi công: là tổ chức trong nước, nhà thầu nước ngoài được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ và được chủ đầu tư giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc ký hợp đồng sau khi trúng thầu thực hiện nhiệm vụ đo đạc và bản đồ.

Chương II

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐỒ ĐẠC BẢN ĐỒ CƠ BẢN VÀ ĐỒ ĐẠC BẢN ĐỒ CHUYÊN NGÀNH

Điều 5. Sản phẩm quản lý

Quyết định này quy định về việc quản lý đối với các sản phẩm đồ đạc bản đồ cơ bản và đồ đạc bản đồ chuyên ngành sau đây:

1. Sản phẩm đồ đạc và bản đồ địa hình và bản đồ chuyên ngành khác ở các tỷ lệ phục vụ cho các mục đích: lập quy hoạch tổng mặt bằng, quy hoạch đô thị, khu chức năng đặc thù, khu vực cân lập quy hoạch phân khu và quy hoạch xây dựng nông thôn; công trình ngầm; cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải; thăm dò, khai thác khoáng sản; quy hoạch nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông thủy lợi và các mục đích khác.

2. Sản phẩm bản đồ hành chính các cấp.

3. Bản đồ địa hình biên tập theo mẫu tại Phụ lục 03 kèm theo Quyết định này.

Điều 6. Thiết kế kỹ thuật - dự toán

1. Các đơn vị thực hiện chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ đồ đạc bản đồ cơ bản và đồ đạc bản đồ chuyên ngành hoặc có nội dung đồ đạc lập bản đồ cơ bản và đồ đạc bản đồ chuyên ngành phải lập thiết kế kỹ thuật - dự toán.

2. Khảo sát thu thập tài liệu phục vụ lập thiết kế kỹ thuật

Việc khảo sát để thu thập tài liệu, số liệu, thông tin có liên quan đến khu đo phục vụ lập thiết kế kỹ thuật - dự toán được thực hiện tại các cơ quan, đơn vị có liên quan và tại thực địa, do đơn vị lập thiết kế kỹ thuật - dự toán chủ trì thực hiện, gồm:

a) Rà soát, xác định, thu thập số liệu, đánh giá tình hình quản lý tài liệu và đánh giá số liệu của tài liệu hiện có tại khu đo, khu vực lân cận đối với hệ thống lưới khống chế tọa độ độ cao theo yêu cầu kỹ thuật về đồ đạc lập bản đồ đối với từng loại tỷ lệ bản đồ;

b) Thu thập tài liệu, số liệu, thông tin thể hiện tình hình quản lý, sử dụng tại khu đo;

c) Thu thập thông tin, số liệu về đặc điểm tự nhiên, tình hình kinh tế - xã hội và các nội dung khác liên quan đến xác định phạm vi, quy mô nhiệm vụ thực hiện;

d) Phân tích, đánh giá từ kết quả khảo sát để xác định phạm vi, hạng mục, khối lượng nhiệm vụ và các khó khăn vướng mắc, lập và ký xác nhận báo cáo khảo sát. Báo cáo khảo sát có xác nhận của các cơ quan quản lý nhà nước phù hợp với mục đích thành lập bản đồ.

3. Nội dung chính thiết kế kỹ thuật - dự toán

a) Sự cần thiết;

b) Cơ sở pháp lý;

c) Mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ;

d) Đặc điểm tình hình tự nhiên, kinh tế, xã hội nơi thực hiện dự án, công trình đồ đạc lập bản đồ;

đ) Tình hình đo đạc lập bản đồ của địa phương; hiện trạng và khả năng sử dụng tài liệu đo đạc và bản đồ, tài liệu ảnh, các loại tài liệu, bản đồ khác và hồ sơ địa giới đơn vị hành chính;

e) Hiện trạng nguồn nhân lực, trang thiết bị kỹ thuật, năng lực thực hiện đo đạc lập bản đồ của các đơn vị thuộc cơ quan quản lý địa phương;

g) Xác định khối lượng từng hạng mục công việc;

h) Thiết kế và giải pháp kỹ thuật;

i) Dự toán kinh phí;

k) Đánh giá tính khả thi và rủi ro thực hiện;

l) Đóng gói, giao nộp sản phẩm;

m) Tổ chức thực hiện.

4. Chủ đầu tư gửi thiết kế kỹ thuật – dự toán và báo cáo khảo sát đến Sở Nông nghiệp và Môi trường và cơ quan quản lý tài chính để cho ý kiến trước khi phê duyệt.

5. Chủ đầu tư phê duyệt *(hoặc trình cơ quan cấp trên trực tiếp của Chủ đầu tư phê duyệt)* thiết kế kỹ thuật - dự toán và tổ chức triển khai, thực hiện.

Điều 7. Ký duyệt sản phẩm đo đạc bản đồ cơ bản và đo đạc bản đồ chuyên ngành

1. Sản phẩm đo đạc bản đồ phải được giám sát, kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ; bản đồ phải được đơn vị thi công, đơn vị giám sát, kiểm tra, chủ đầu tư ký xác nhận trước khi gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt.

2. Chủ đầu tư gửi kết quả kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 và sản phẩm bản đồ đã hoàn thành về Sở Nông nghiệp và Môi trường để ký duyệt sản phẩm.

Điều 8. Giao nộp sản phẩm

1. Việc giao nộp sản phẩm giữa đơn vị thi công và chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018.

2. Trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày sản phẩm đo đạc bản đồ được nghiệm thu cấp chủ đầu tư và ký duyệt sản phẩm, chủ đầu tư phải giao nộp về Sở Nông nghiệp và Môi trường. Danh mục sản phẩm giao nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019.

Chương III

CÔNG TÁC GIÁM SÁT, KIỂM TRA, THẨM ĐỊNH VÀ NGHIỆM THU SẢN PHẨM BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

Mục 1.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 9. Mục đích giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu

1. Bảo đảm cho sản phẩm thực hiện theo đúng các quy chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến việc thi công, giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu sản phẩm.

2. Phát hiện những sai sót trong quá trình thi công để kịp thời khắc phục, xử lý các sai sót, các vấn đề phát sinh trong quá trình thi công nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm.

3. Đánh giá, xác nhận đúng chất lượng, khối lượng, mức khó khăn của hạng mục công việc và sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính đã hoàn thành.

Điều 10. Cơ sở pháp lý để giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu

1. Chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản điều chỉnh của cấp có thẩm quyền trong quá trình thi công (nếu có).

2. Các quy chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 11. Yêu cầu đối với công tác giám sát, kiểm tra chất lượng sản phẩm

1. Công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm bản đồ địa chính phải được thực hiện từ tổng thể đến chi tiết ở cấp đơn vị thi công và cấp chủ đầu tư.

2. Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm bản đồ địa chính phải được thực hiện trên cơ sở kế hoạch kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm được quy định tại khoản 2 Điều 12 của Quy định này. Quá trình kiểm tra phải tuân thủ theo quy trình sản xuất, sản phẩm của công đoạn trước đạt chất lượng mới được sử dụng cho công đoạn tiếp theo.

3. Công tác giám sát trong quá trình triển khai các chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ phải được thực hiện kể từ khi bắt đầu triển khai cho đến khi nghiệm thu, bàn giao sản phẩm để đưa vào khai thác sử dụng đảm bảo chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả.

4. Nội dung, phương pháp kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ phải tuân thủ theo quy định tại Điều 16 của Quy định này.

Điều 12. Trách nhiệm giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

a) Đảm bảo chất lượng, khối lượng sản phẩm hoàn thành; tiến độ thực hiện đối với các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ được giao;

b) Tổ chức thực hiện kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu các sản phẩm đo đạc và bản đồ đối với các nhiệm vụ được giao làm chủ đầu tư;

c) Giải quyết những vướng mắc về giải pháp kỹ thuật công nghệ, phát sinh khối lượng các hạng mục công việc trong quá trình thi công theo thẩm quyền;

d) Báo cáo kịp thời với cơ quan quyết định đầu tư những vấn đề phát sinh vượt quá thẩm quyền giải quyết của mình;

đ) Báo cáo kịp thời với cơ quan quyết định đầu tư những vấn đề phát sinh vượt quá thẩm quyền giải quyết của mình;

e) Quyết định đình chỉ thi công, huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ sản phẩm đang thi công không đúng chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc các quy chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan quyết định đầu tư;

f) Lập báo cáo gửi cơ quan quyết định đầu tư về tiến độ thực hiện, khối lượng, chất lượng sản phẩm đã hoàn thành trong năm và khi kết thúc chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ;

g) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng, khối lượng sản phẩm cấp chủ đầu tư.

2. Trách nhiệm của đơn vị thi công

a) Thực hiện thi công theo đúng chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, đúng các quy chuẩn, quy định kỹ thuật, văn bản quy phạm pháp luật liên quan và các văn bản điều chỉnh của cấp có thẩm quyền (nếu có);

b) Thực hiện kiểm tra, nghiệm thu cấp đơn vị thi công và chịu trách nhiệm toàn diện về tiến độ thi công, chất lượng, khối lượng sản phẩm do đơn vị mình thi công; trường hợp sản phẩm chưa đảm bảo chất lượng, khối lượng theo yêu cầu thì phải tiếp tục hoàn thiện và tự chịu trách nhiệm về kinh phí; phối hợp với chủ đầu tư lập hồ sơ nghiệm thu cấp chủ đầu tư theo quy định;

c) Chịu sự giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu của chủ đầu tư và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có) đối với chất lượng, khối lượng, tiến độ thực hiện chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ được giao thực hiện;

d) Hàng tháng lập báo cáo về khối lượng, tiến độ đã thực hiện gửi chủ đầu tư;

đ) Khi có sự thay đổi về giải pháp công nghệ, khối lượng công việc, tiến độ thi công so với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phải báo cáo

kịp thời bằng văn bản với chủ đầu tư và chỉ được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của chủ đầu tư hoặc cơ quan quyết định đầu tư.

Điều 13. Lập kế hoạch giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu

1. Sau khi được giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc ký hợp đồng kinh tế, đơn vị thi công phải lập kế hoạch thi công chi tiết trong đó nêu rõ tiến độ thi công, tiến độ kiểm tra chất lượng công trình, sản phẩm gửi chủ đầu tư và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (*nếu có*) để có kế hoạch giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu.

2. Trên cơ sở kế hoạch triển khai, quản lý chất lượng của đơn vị thi công, chủ đầu tư và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (*nếu có*) tổ chức lập kế hoạch giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm phù hợp với tiến độ của chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc hợp đồng đã ký kết, gửi đơn vị thi công và các đơn vị liên quan để tổ chức thực hiện.

Điều 14. Kinh phí thực hiện công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu

1. Kinh phí thực hiện công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng do chủ đầu tư thực hiện được xác định trong tổng dự toán của công trình theo quy định hiện hành.

2. Kinh phí thực hiện công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, sản phẩm do đơn vị thi công thực hiện được tính trong đơn giá, dự toán của công trình theo quy định hiện hành.

Mục 2

NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIÁM SÁT, KIỂM TRA

Điều 15. Công tác giám sát

1. Nội dung giám sát bao gồm:

- a) Giám sát nhân lực, máy móc, thiết bị sử dụng để thi công công trình;
- b) Kiểm tra phương tiện đo được sử dụng trong thi công. Phương tiện đo phải được kiểm định, hiệu chuẩn đầy đủ, đúng thời gian theo quy định, đáp ứng độ chính xác theo yêu cầu;
- c) Giám sát sự phù hợp của quy trình công nghệ đơn vị thi công áp dụng so với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc được chủ đầu tư cho phép;
- d) Giám sát tiến độ thi công;
- đ) Giám sát về khối lượng phát sinh trong quá trình thi công (*nếu có*);

e) Giám sát quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm cấp đơn vị thi công.

2. Trong quá trình giám sát, người thực hiện giám sát phải tiến hành ghi Nhật ký giám sát theo Mẫu số 02 Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy định này. Kết thúc đợt giám sát, đơn vị thực hiện giám sát phải lập Biên bản giám sát thi công theo Mẫu số 03 Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy định này.

3. Trong thời gian thi công, trường hợp có sự thay đổi về chế độ chính sách như: tiền lương, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá sản phẩm, đơn vị giám sát phải xác định cụ thể khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện trước và sau thời điểm chế độ chính sách đó có hiệu lực.

Điều 16. Nội dung, phương pháp, mức kiểm tra chất lượng, khối lượng

1. Nội dung, mức kiểm tra của đơn vị thi công, chủ đầu tư phục vụ thẩm định, nghiệm thu chất lượng, khối lượng sản phẩm được quy định chi tiết tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy định này.

Đối với các nội dung, hạng mục công việc, sản phẩm bản đồ địa chính không được quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy định này thì nội dung kiểm tra được thực hiện theo chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Mức kiểm tra tối thiểu cấp đơn vị thi công đối với sản phẩm ngoại nghiệp là 20 phần trăm (20%) và nội nghiệp là 60 phần trăm (60%); mức kiểm tra tối thiểu cấp chủ đầu tư đối với sản phẩm ngoại nghiệp là 05 phần trăm (5%) và nội nghiệp là 15 phần trăm (15%). Trường hợp tăng, giảm nội dung, mức kiểm tra để phù hợp với tiêu chí chất lượng phải được quy định trong chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phương pháp kiểm tra

a) Công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm có thể được thực hiện ở nội nghiệp, ngoại nghiệp hoặc cả hai tùy thuộc vào từng hạng mục sản phẩm cụ thể. Trong một số trường hợp phải thực hiện lại nội dung công việc của quá trình sản xuất để so sánh, đối chiếu, đánh giá chất lượng sản phẩm so với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật và nội dung chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được phê duyệt;

b) Trong quá trình kiểm tra công trình, sản phẩm được phép sử dụng thiết bị, công nghệ và các nguồn tư liệu, dữ liệu khác như: ảnh viễn thám, các loại bản đồ chuyên đề mới nhất để thực hiện đánh giá chất lượng sản phẩm. Trường hợp có mâu thuẫn phải kiểm tra tại thực địa;

c) Tùy thuộc vào quy trình công nghệ, loại hình sản phẩm, phần mềm sử dụng trong thi công, việc kiểm tra có thể được thực hiện bằng phương pháp tự động, bán tự động hoặc thủ công để đảm bảo việc đánh giá chất lượng sản phẩm được khách quan, đầy đủ, chính xác;

d) Đối với các hạng mục công việc kiểm tra mang tính xác suất, phạm vi lấy mẫu kiểm tra phải được phân bố đều trong toàn bộ phạm vi thi công;

đ) Đối với các chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ có thể thực hiện kiểm tra công trình, sản phẩm cuối cùng bằng phương pháp tổng hợp thì đơn vị giám sát, kiểm tra lập phương án kiểm tra trình chủ đầu tư phê duyệt.

3. Ghi nhận kết quả kiểm tra

a) Kết thúc quá trình kiểm tra phải tiến hành ghi nhận kết quả kiểm tra. Kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng Phiếu ghi ý kiểm tra. Phiếu ghi ý kiến kiểm tra phải được lập riêng cho từng hạng mục theo Mẫu số 04 Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy định này và phải thể hiện được các căn cứ cụ thể để đánh giá, kết luận chất lượng sản phẩm. Đối với các chỉ tiêu đánh giá chất lượng thông qua phép đo thì phải có số liệu, kết quả đo cụ thể.

b) Trên cơ sở các Phiếu ghi ý kiểm tra, thực hiện tổng hợp đánh giá chất lượng cho từng hạng mục và tiến hành lập Biên bản kiểm tra chất lượng của từng hạng mục theo Mẫu số 05, Mẫu số 06 Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 17. Kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm cấp đơn vị thi công

1. Đơn vị thi công sử dụng tổ chức chuyên môn kỹ thuật hoặc giao trách nhiệm cho người phụ trách kỹ thuật để tự kiểm tra chất lượng đối với tất cả các hạng mục công việc, sản phẩm do mình thi công.

2. Trước khi tiến hành kiểm tra chất lượng, phải thông báo về kế hoạch kiểm tra tới chủ đầu tư và tổ chức được chủ đầu tư giao kiểm tra để giám sát quá trình kiểm tra cấp đơn vị thi công theo quy định.

3. Kết thúc việc kiểm tra chất lượng sản phẩm đối với từng hạng mục công việc, đơn vị thi công gửi sản phẩm đã được kiểm tra đạt chất lượng theo quy định, Phiếu ghi ý kiến kiểm tra, Biên bản kiểm tra chất lượng và văn bản đề nghị kiểm tra chất lượng sản phẩm theo Mẫu số 07 Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy định này tới đơn vị kiểm tra cấp chủ đầu tư.

4. Kết thúc nhiệm vụ hoặc kết thúc năm tài chính, đơn vị thi công lập hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm. Hồ sơ bao gồm:

a) Báo cáo tổng kết kỹ thuật của đơn vị thi công theo Mẫu số 08 Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy định này;

b) Báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm của đơn vị thi công theo Mẫu số 09 Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy định này;

c) Báo cáo những thay đổi về giải pháp công nghệ, khối lượng công việc, tiến độ thi công và những vấn đề khác (nếu có) so với chương trình, đề án, dự

án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền trong thời gian thi công công trình (nếu có);

d) Phiếu ghi ý kiến kiểm tra;

đ) Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm đối với từng hạng mục công việc, sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính;

5. Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm cấp đơn vị thi công lập thành 03 bộ: 01 bộ gửi chủ đầu tư, 01 bộ gửi đơn vị giám sát, kiểm tra cấp chủ đầu tư và 01 bộ lưu tại đơn vị thi công.

Điều 18. Kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm cấp chủ đầu tư

1. Sau khi nhận được văn bản đề nghị kiểm tra, hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm cấp đơn vị thi công theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 17 của Quy định này và sản phẩm kèm theo, chủ đầu tư sử dụng tổ chức chuyên môn trực thuộc hoặc đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có) để thực hiện kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm cấp chủ đầu tư.

2. Các bước kiểm tra bao gồm:

a) Kiểm tra tính đầy đủ, tính pháp lý, tính thống nhất, tính hợp lệ của hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp đơn vị thi công;

b) Phân tích, đánh giá nội dung báo cáo tổng kết kỹ thuật, báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm và các biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm, phiếu ghi ý kiến kiểm tra, số liệu, tài liệu kiểm tra cấp đơn vị thi công;

c) Đánh giá quy cách sản phẩm so với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật và các quy định khác trong đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được phê duyệt;

Trường hợp chất lượng sản phẩm chưa đạt yêu cầu, đơn vị thi công có trách nhiệm sửa chữa theo các ý kiến kiểm tra và gửi báo cáo sửa chữa sản phẩm theo Mẫu số 10 Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy định này kèm theo sản phẩm đã được sửa chữa đến chủ đầu tư và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có). Đơn vị kiểm tra thực hiện kiểm tra lại các sản phẩm đã được đơn vị thi công sửa chữa và lập Bản xác nhận sửa chữa sản phẩm theo Mẫu số 11 Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy định này;

d) Xác định khối lượng của các hạng mục công việc, sản phẩm đạt yêu cầu về chất lượng và các hạng mục công việc, sản phẩm không đạt yêu cầu về chất lượng (nếu có);

đ) Đánh giá, đề xuất xác định lại mức khó khăn (nếu có) các hạng mục công trình đã thi công phù hợp quy định hiện hành và thực tế sản xuất;

e) Lập biên bản kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm theo Mẫu số 12

Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy định này;

g) Kết thúc hạng mục hoặc kết thúc công trình theo kế hoạch nghiệm thu, đơn vị kiểm tra lập báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm theo Mẫu số 13 Phụ lục 01 ban hành theo Quy định này.

3. Kết thúc nhiệm vụ hoặc kết thúc năm tài chính, đơn vị kiểm tra lập hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp chủ đầu tư phục vụ công tác thẩm định theo quy định tại Điều 20 của Quy định này. Hồ sơ gồm:

a) Quyết định phê duyệt chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ; các văn bản giao kế hoạch, nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền;

b) Hợp đồng kinh tế hoặc văn bản giao nhiệm vụ, đặt hàng cho đơn vị thi công;

c) Báo cáo tổng kết kỹ thuật của đơn vị thi công;

d) Báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm của đơn vị thi công và đơn vị kiểm tra;

đ) Các báo cáo có liên quan đến khối lượng phát sinh, vướng mắc đã giải quyết so với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ của đơn vị thi công và các văn bản xử lý của chủ đầu tư hoặc cơ quan quyết định đầu tư (nếu có);

e) Báo cáo của đơn vị thi công về việc sửa chữa sản phẩm và văn bản xác nhận sửa chữa sản phẩm cấp chủ đầu tư (nếu có);

g) Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm kèm theo Phiếu ghi ý kiến kiểm tra cấp chủ đầu tư;

4. Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm cấp chủ đầu tư lập thành 03 bộ: 02 bộ lưu giữ tại chủ đầu tư, 01 bộ lưu giữ tại đơn vị kiểm tra.

Điều 19. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm tra cấp chủ đầu tư

1. Quyền của tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm tra

a) Từ chối kiểm tra trong trường hợp đơn vị thi công chưa giao nộp đầy đủ các sản phẩm, Hồ sơ kiểm tra khối lượng, chất lượng cấp đơn vị thi công hoặc các sản phẩm còn tồn tại lỗi mang tính hệ thống;

b) Từ chối xác nhận các sản phẩm không đạt chất lượng hoặc các sản phẩm đã có ý kiến kiểm tra nhưng không được sửa chữa toàn diện, triệt để;

c) Đề xuất với chủ đầu tư điều chỉnh tiến độ thi công đối với những hạng mục công việc bị kéo dài do yếu tố khách quan hoặc đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán hết thời gian thực hiện nhưng chưa hoàn thành;

d) Đề xuất chủ đầu tư chấp thuận thay đổi mức khó khăn so với đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được phê duyệt;

đ) Cá nhân trực tiếp kiểm tra được bảo lưu các ý kiến kiểm tra của mình đối với tổ trưởng tổ kiểm tra hoặc tổ chức trực tiếp giao nhiệm vụ trong trường hợp ý kiến của mình không được tiếp nhận và xử lý. Tổ trưởng tổ kiểm tra được bảo lưu các quyết định của mình đối với tổ chức thực hiện công tác kiểm tra hoặc chủ đầu tư trong trường hợp quyết định của mình không được tiếp nhận và xử lý.

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm tra

a) Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc nội dung kiểm tra theo quy định; chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra;

b) Chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công theo thẩm quyền. Báo cáo chủ đầu tư giải quyết những vướng mắc, phát sinh vượt quá thẩm quyền;

c) Báo cáo đầy đủ với chủ đầu tư những vấn đề kỹ thuật ngoài đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được duyệt, khối lượng phát sinh tăng, giảm trong quá trình thi công (*nếu có*);

d) Kiến nghị với chủ đầu tư xử lý các vi phạm, chấm dứt hợp đồng với đơn vị thi công trong trường hợp đơn vị thi công vi phạm các nội dung nêu tại điểm đ khoản 2 Điều 11 của Quy định này;

đ) Kiến nghị với chủ đầu tư hình thức xử lý đối với đơn vị thi công vi phạm tiến độ thực hiện do yếu tố chủ quan của đơn vị thi công;

e) Lập Hồ sơ kiểm tra chất lượng, Hồ sơ nghiệm thu theo yêu cầu của chủ đầu tư;

g) Các ý kiến của từng cá nhân tham gia công tác kiểm tra phải được tổng hợp báo cáo Tổ trưởng tổ kiểm tra. Tổ trưởng có trách nhiệm xem xét thông báo cho đơn vị thi công sửa chữa. Trường hợp không thống nhất được ý kiến giữa Tổ kiểm tra và đơn vị thi công thì Tổ trưởng phải báo cáo lãnh đạo đơn vị thực hiện kiểm tra hoặc chủ đầu tư (*đối với các trường hợp vượt quá thẩm quyền giải quyết*);

h) Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi cố ý làm sai lệch kết quả kiểm tra gây thiệt hại cho chủ đầu tư hoặc đơn vị thi công theo quy định của pháp luật.

Mục 3

NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP THẨM ĐỊNH, NGHIỆM THU, BÀN GIAO SẢN PHẨM

Điều 20. Thẩm định chất lượng, khối lượng sản phẩm

1. Chủ đầu tư sử dụng tổ chức chuyên môn trực thuộc hoặc thành lập Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định chất lượng, khối lượng sản phẩm bản đồ

địa chính.

2. Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định, chủ đầu tư ra quyết định thành lập, thành phần Hội đồng thẩm định bao gồm: Chủ tịch Hội đồng, Thư ký và một số thành viên thuộc các đơn vị chức năng có liên quan, chuyên gia am hiểu về chuyên môn đo đạc lập bản đồ địa chính (*nếu cần thiết*).

3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng thẩm định

a) Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, biểu quyết theo đa số. Phiên họp của Hội đồng thẩm định phải đảm bảo có mặt ít nhất $\frac{2}{3}$ (*hai phần ba*) số ủy viên Hội đồng thẩm định theo quyết định thành lập;

b) Chủ tịch Hội đồng thẩm định có trách nhiệm báo cáo kết quả thẩm định, kiến nghị chủ đầu tư các nội dung có liên quan đến trách nhiệm được giao; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về sự đúng đắn, khách quan đối với kết quả thẩm định.

4. Căn cứ thẩm định

a) Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm cấp đơn vị thi công;

b) Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm cấp chủ đầu tư;

c) Các hạng mục công việc, sản phẩm đã hoàn thành và các tài liệu liên quan khác kèm theo (*nếu có*).

5. Nội dung thẩm định

Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thành việc thẩm định hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm. Nội dung thẩm định gồm:

a) Thẩm định về việc tuân thủ các quy định trong chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản kỹ thuật liên quan khác;

b) Thẩm định việc tuân thủ các quy định về công tác giám sát thi công, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm;

c) Thẩm định việc xử lý các phát sinh, vướng mắc trong quá trình thi công theo yêu cầu của đơn vị kiểm tra, chủ đầu tư và cơ quan quyết định đầu tư (*nếu có*);

d) Thẩm định việc xác định khối lượng đạt chất lượng, mức khó khăn của hạng mục công việc, sản phẩm đã hoàn thành. Trong trường hợp cần thiết có thể kiểm tra lại chất lượng, khối lượng, mức khó khăn dựa trên một số mẫu sản phẩm;

đ) Thẩm định nguồn gốc thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ sử dụng để thi công.

6. Căn cứ kết quả thẩm định, đơn vị được chủ đầu tư giao nhiệm vụ thẩm định hoặc chủ đầu tư (*trong trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định*) chỉ đạo các đơn vị liên quan sửa chữa, bổ sung hoàn thiện khi chất lượng, khối lượng sản phẩm chưa đạt yêu cầu, mức khó khăn chưa phù hợp, hồ sơ tài liệu chưa hợp lệ.

7. Kết thúc quá trình thẩm định, đơn vị được chủ đầu tư giao nhiệm vụ thẩm định hoặc chủ đầu tư (*trong trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định*) phải lập báo cáo thẩm định chất lượng, khối lượng sản phẩm theo Mẫu số 14 Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 21. Nghiệm thu chất lượng, khối lượng sản phẩm

1. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, thẩm định, chủ đầu tư tiến hành nghiệm thu chất lượng, khối lượng sản phẩm bản đồ địa chính đã hoàn thành.

2. Căn cứ nghiệm thu

a) Quyết định phê duyệt chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc Hợp đồng kinh tế;

c) Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm cấp chủ đầu tư;

d) Báo cáo thẩm định chất lượng, khối lượng sản phẩm;

đ) Các sản phẩm đã hoàn thành và các tài liệu liên quan khác kèm theo.

3. Nội dung nghiệm thu

Sau nhận được báo cáo thẩm định chất lượng, khối lượng hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm, chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thành việc nghiệm thu hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm. Nội dung nghiệm thu bao gồm:

a) Nghiệm thu về khối lượng các hạng mục công việc, sản phẩm đã hoàn thành đạt chất lượng so với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Nghiệm thu về khối lượng các hạng mục công việc phát sinh (*tăng, giảm*) so với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ (*nếu có*);

c) Xác nhận mức khó khăn đối với các hạng mục công việc, sản phẩm đã hoàn thành;

d) Kết thúc quá trình nghiệm thu phải lập Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm theo Mẫu số 15 Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy định này; lập Bảng tổng hợp khối lượng công trình, sản phẩm đã thi công từng năm theo Mẫu số 16 Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy định này đối với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ được thi công trong nhiều năm (*nếu có*) và lập hồ sơ nghiệm thu theo quy định tại Điều 23 Quy định này.

Điều 22. Giao nộp sản phẩm

1. Sau khi hoàn thành hồ sơ nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm, đơn vị thi công có trách nhiệm giao nộp sản phẩm tại nơi lưu trữ do cơ quan

quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư chỉ định.

Danh mục sản phẩm giao nộp bao gồm toàn bộ sản phẩm của các hạng mục công việc đã được nghiệm thu xác nhận khối lượng, chất lượng và được nêu cụ thể trong chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ, hợp đồng kinh tế hoặc văn bản giao nhiệm vụ thi công.

2. Ngay sau khi sản phẩm bản đồ địa chính được ký xác nhận, chủ đầu tư phải giao nộp sản phẩm cho Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính.

Điều 23. Lập hồ sơ nghiệm thu

1. Kết thúc quá trình nghiệm thu, giao nộp sản phẩm, chủ đầu tư phối hợp với các đơn vị liên quan lập hồ sơ nghiệm thu. Hồ sơ nghiệm thu bao gồm:

a) Quyết định phê duyệt chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền;

b) Hợp đồng kinh tế hoặc văn bản giao nhiệm vụ, đặt hàng cho đơn vị thi công và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (*nếu có*);

c) Báo cáo tổng kết kỹ thuật của đơn vị thi công;

d) Báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm cấp chủ đầu tư;

đ) Các báo cáo có liên quan đến khối lượng phát sinh, vướng mắc trong quá trình thi công và các văn bản xử lý của chủ đầu tư hoặc cơ quan quyết định đầu tư (*nếu có*);

e) Báo cáo của đơn vị thi công về việc sửa chữa sai sót và văn bản xác nhận sửa chữa sản phẩm cấp chủ đầu tư (*nếu có*);

g) Báo cáo thẩm định chất lượng, khối lượng sản phẩm;

h) Biên bản kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm cấp chủ đầu tư (*nếu trong Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng sản phẩm không có thành phần đơn vị giám sát, kiểm tra tham gia*);

i) Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng sản phẩm;

k) Biên bản giao nộp sản phẩm đối với sản phẩm đã hoàn thành theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Quy định này;

l) Bảng tổng hợp khối lượng sản phẩm đã thi công từng năm (*nếu có*).

2. Hồ sơ nghiệm thu lập thành 05 bộ: 01 bộ gửi cơ quan quyết định đầu tư, 02 bộ lưu tại chủ đầu tư, 01 bộ giao nộp kèm theo sản phẩm tại cơ quan lưu trữ, 01 bộ lưu tại đơn vị thi công.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này;

b) Quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng và bảo vệ hệ thống bản đồ, các công trình hạ tầng đo đạc thuộc thẩm quyền tỉnh trong quá trình thực hiện các hoạt động đo đạc bản đồ;

c) Phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã kết nối dữ liệu thông tin, sản phẩm đo đạc và bản đồ vào hệ thống thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ của tỉnh;

d) Cho ý kiến về kỹ thuật đối với thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc và bản đồ; ký duyệt sản phẩm bản đồ;

e) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đo đạc và bản đồ theo thẩm quyền.

2. Sở Tài chính

Cho ý kiến đối với dự toán kinh phí trong thiết kế kỹ thuật - dự toán theo phân cấp quản lý tài chính.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về đo đạc và bản đồ trên địa bàn;

b) Cho ý kiến đối với dự toán kinh phí trong thiết kế kỹ thuật - dự toán theo phân cấp quản lý tài chính;

c) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đo đạc và bản đồ theo thẩm quyền;

d) Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ khác theo phân cấp hoặc ủy quyền của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về đo đạc và bản đồ trên địa bàn;

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị để tiếp nhận, quản lý hệ thống bản đồ, hồ sơ địa giới hành chính, mốc quy hoạch xây dựng, giao thông theo quy định.

c) Kiểm tra, ngăn chặn, xử lý kịp thời vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đo đạc và bản đồ theo thẩm quyền;

d) Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ khác theo

phân cấp hoặc ủy quyền của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

3. Các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ

a) Tuân thủ các quy định tại Quyết định này và pháp luật có liên quan khi tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ;

b) Đối với các tổ chức, cá nhân đến thực hiện các hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Hải Dương phải có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường trước khi triển khai thực hiện để quản lý;

c) Trong quá trình thi công có trách nhiệm thông báo Ủy ban nhân dân cấp xã về kế hoạch đo đạc bản đồ trên địa bàn;

d) Thực hiện chế độ báo cáo kết quả thực hiện hoạt động đo đạc bản đồ theo yêu cầu của Chủ đầu tư và cơ quan nhà nước có thẩm quyền./.

Phụ lục 01**CÁC MẪU VĂN BẢN TRONG CÔNG TÁC GIÁM SÁT, KIỂM TRA,
THẨM ĐỊNH, NGHIỆM THU SẢN PHẨM BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/2025/QĐ-UBND
ngày ... tháng ... năm 2025 của UBND tỉnh Hải Dương)*

- Mẫu số 01: Nhật ký giám sát công trình;
- Mẫu số 02: Biên bản giám sát thi công;
- Mẫu số 03: Phiếu ghi ý kiến kiểm tra;
- Mẫu số 04: Biên bản kiểm tra chất lượng từng hạng mục cấp đơn vị thi công;
- Mẫu số 05: Biên bản kiểm tra chất lượng từng hạng mục cấp chủ đầu tư;
- Mẫu số 06: Văn bản đề nghị kiểm tra chất lượng sản phẩm;
- Mẫu số 07: Báo cáo tổng kết kỹ thuật của đơn vị thi công;
- Mẫu số 08: Báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm *(đơn vị thi công thực hiện)*;
- Mẫu số 09: Báo cáo sửa chữa sản phẩm *(đơn vị thi công thực hiện)*;
- Mẫu số 10: Bản xác nhận sửa chữa sản phẩm *(đơn vị giám sát, kiểm tra thực hiện)*;
- Mẫu số 11: Biên bản kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm;
- Mẫu số 12: Báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm *(đơn vị giám sát, kiểm tra thực hiện)*;
- Mẫu số 13: Báo cáo thẩm định chất lượng, khối lượng sản phẩm;
- Mẫu số 14: Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng sản phẩm;
- Mẫu số 15: Bảng tổng hợp khối lượng sản phẩm.

TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
ĐƠN VỊ GIÁM SÁT, KIỂM TRA

NHẬT KÝ GIÁM SÁT CÔNG TRÌNH

Chủ đầu tư:

Công trình:

Địa điểm thi công:

Đơn vị thi công:

Đơn vị giám sát, kiểm tra:

Năm ...

NHẬT KÝ GIÁM SÁT CÔNG TRÌNH

Chủ đầu tư:

Công trình:

Địa điểm thi công:

1. ĐƠN VỊ THI CÔNG

- Đội trưởng (hoặc tổ trưởng) sản xuất:

- Cán bộ kỹ thuật:

2. ĐƠN VỊ GIÁM SÁT, KIỂM TRA

- Tổ trưởng giám sát:

- Cán bộ giám sát khác:

- Thời gian thi công: từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm ...

Ngày giám sát:

Người giám sát:

Công đoạn giám sát:

Thuộc địa bàn:

Nội dung giám sát (nhân lực, máy móc, thiết bị thi công; thực hiện quy trình, quy định kỹ thuật; tiến độ thi công; việc phát sinh tăng, giảm trong quá trình thi công; kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm của đơn vị thi công):

This image shows a full page of white paper with horizontal dotted lines, typical of primary school writing paper. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

Đội trưởng (Tổ trưởng) sản xuất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người giám sát
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm

BIÊN BẢN GIÁM SÁT THI CÔNG

Chủ đầu tư:

Hạng mục công việc:

Thuộc dự án, TKKT-DT:

Địa điểm thi công:

Đơn vị thi công:

Đơn vị giám sát:

Hôm nay, ngày tháng năm tại

Đại diện đơn vị giám sát

Ông/Bà: Chức vụ:

Ông/Bà: Chức vụ:

Đại diện đơn vị thi công

Ông/Bà: Chức vụ:

Đại diện tổ (đội) sản xuất

Ông/Bà: Chức vụ:

Cùng nhau ký Biên bản giám sát thi công, với nội dung như sau:

I. Tình hình thực hiện

1. Đơn vị thực hiện:
2. Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ tháng năm đến tháng ... năm
3. Lực lượng kỹ thuật và thiết bị thi công
 - a) Lực lượng kỹ thuật: gồm người
 - b) Thiết bị thi công:
4. Quy trình kỹ thuật áp dụng trong thi công:
5. Khối lượng thực hiện: tính đến ngày tháng năm
6. Các vấn đề phát sinh trong thi công:
7. Biện pháp xử lý sai phạm (nếu có):

II. Tình hình kiểm tra, quản lý chất lượng của đơn vị thi công:

III. Kết luận:

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
 (Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ THI CÔNG
 (Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN
TỔ (ĐỘI) SẢN XUẤT
 (Ký, ghi rõ họ tên)

PHIẾU GHI Ý KIẾN KIỂM TRA

Người kiểm tra: Chức vụ:

Đơn vị giám sát, kiểm tra:

Loại sản phẩm kiểm tra:

Thuộc (tên công trình, dự án ...):

Đơn vị thi công:

TT	Nội dung kiểm tra	Ý kiến kiểm tra	Xử lý	Ghi chú
1				
2				
3				

(Địa danh), ngày tháng năm 20...

Người kiểm tra

(Ký và ghi rõ họ, tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM
CẤP ĐƠN VỊ THI CÔNG
Số:...../BBKT

Tên nhiệm vụ¹:

Thuộc²:

1. Đại diện tổ chức chuyên môn kỹ thuật/Người phụ trách kỹ thuật thực hiện kiểm tra³

Họ và tên: Chức vụ:

2. Đại diện đơn vị được kiểm tra⁴

Họ và tên: Chức vụ:

3. Nội dung kiểm tra chất lượng sản phẩm

Đơn vị kiểm tra chất lượng sản phẩm cấp đơn vị thi công đã tiến hành kiểm tra chất lượng sản phẩm đối với các hạng mục nội dung công việc sau: *(Thống kê các hạng mục nội dung công việc đã được kiểm tra chất lượng sản phẩm và ghi trong phiếu ghi ý kiến kiểm tra của các nhân viên kỹ thuật đã thực hiện)*

4. Kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm

Trên cơ sở các phiếu ghi ý kiến kiểm tra và sản phẩm có liên quan kèm theo, đơn vị kiểm tra đánh giá đối với kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm, như sau: *(Thực hiện đánh giá cụ thể đối với từng hạng mục nội dung công việc có đạt chất lượng sản phẩm theo quy định⁵ hay không)*. Trường hợp còn hạng mục nội dung công việc chưa đạt yêu cầu phải nêu cụ thể lý do.

5. Ý kiến của đơn vị được kiểm tra

Đồng ý/không đồng ý với kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm nêu trên. Trường hợp không đồng ý với ý kiến của người kiểm tra thì người được kiểm tra phải nêu rõ lý do.

6. Kết luận, kiến nghị

Kết luận: Các sản phẩm của hạng mục nội dung công việc nêu trên đạt/không đạt chất lượng theo quy định.

Kiến nghị:

Nếu kết luận chất lượng sản phẩm đạt chất lượng, kiến nghị đơn vị thi công triển khai thi công đối với các hạng mục nội dung công việc tiếp theo hoặc đề nghị đơn vị kiểm tra chất lượng sản phẩm cấp chủ đầu tư lập Báo cáo kiểm tra chất lượng sản phẩm.

Trường hợp chất lượng sản phẩm còn tồn tại chưa đạt yêu cầu, người thực hiện kiểm tra đề nghị đơn vị thi công tiếp thu ý kiến kiểm tra và thực hiện sửa chữa sản phẩm theo quy định.

Biên bản lập thành 02 (hai) bản, 01 (một) bản giao cho đơn vị thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm 01 (một) bản giao cho đơn vị được kiểm tra chất lượng sản phẩm.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA
NGƯỜI ĐƯỢC KIỂM TRA⁶

(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KIỂM TRA
NGƯỜI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ, tên)

¹ Ghi tên nhiệm vụ được giao theo Quyết định đặt hàng/giao nhiệm vụ/Hợp đồng

² Ghi tên dự án/thiết kế kỹ thuật - dự toán/Dự án.

³ Ghi tên tổ chức chuyên môn kỹ thuật hoặc người phụ trách kỹ thuật thực hiện kiểm tra.

⁴ Ghi tên Đơn vị/Tổ/Đội/Phòng trực tiếp thi công.

⁵ Phải dẫn chiếu đến quy định cụ thể trong các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật, quy định trong dự án/thiết kế kỹ thuật - dự toán.

⁶ Người đại diện đơn vị được kiểm tra là người được giao phụ trách thi công trực tiếp nhiệm vụ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM
CẤP CHỦ ĐẦU TƯ
Số:...../BBKT

Tên nhiệm vụ¹:

Thuộc²:

1. Đại diện đơn vị kiểm tra³

Họ và tên:

Chức vụ:

2. Đại diện đơn vị được kiểm tra⁴

Họ và tên người phụ trách kỹ thuật:

Chức vụ:

3. Nội dung kiểm tra chất lượng sản phẩm

Đơn vị kiểm tra chất lượng sản phẩm cấp chủ đầu tư đã tiến hành kiểm tra chất lượng sản phẩm đối với các hạng mục nội dung công việc sau: *(Thống kê các hạng mục nội dung công việc đã được kiểm tra chất lượng sản phẩm và ghi trong phiếu ghi ý kiến kiểm tra của các nhân viên kỹ thuật đã thực hiện)*

4. Kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm

Trên cơ sở các phiếu ghi ý kiến kiểm tra và sản phẩm có liên quan kèm theo, đơn vị kiểm tra đánh giá đối với kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm, như sau: *(Thực hiện đánh giá cụ thể đối với từng hạng mục nội dung công việc có đạt chất lượng sản phẩm theo quy định⁵ hay không)*. Trường hợp còn hạng mục nội dung công việc chưa đạt yêu cầu phải nêu cụ thể lý do.

5. Ý kiến của người phụ trách kỹ thuật bên được kiểm tra

Đồng ý/không đồng ý với kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm nêu trên. Trường hợp không đồng ý với ý kiến của người kiểm tra thì người được kiểm tra phải nêu rõ lý do.

6. Kết luận, kiến nghị

Kết luận: Các sản phẩm của hạng mục nội dung công việc nêu trên **đạt/không đạt** chất lượng theo quy định.

Kiến nghị:

Nếu kết luận chất lượng sản phẩm đạt chất lượng, kiến nghị đơn vị thi công triển khai thi công đối với các hạng mục nội dung công việc tiếp theo hoặc đề nghị đơn vị kiểm tra chất lượng sản phẩm cấp chủ đầu tư lập Báo cáo kiểm tra chất lượng sản phẩm.

Trường hợp chất lượng sản phẩm còn tồn tại chưa đạt yêu cầu, người thực hiện kiểm tra đề nghị đơn vị thi công tiếp thu ý kiến kiểm tra và thực hiện sửa chữa sản phẩm theo quy định.

Biên bản lập thành 02 (hai) bản, 01 (một) bản giao cho đơn vị thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm 01 (một) bản giao cho đơn vị được kiểm tra chất lượng sản phẩm.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA
NGƯỜI PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT⁶

(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KIỂM TRA
NGƯỜI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ, tên)

¹ Ghi tên nhiệm vụ được giao theo Quyết định đặt hàng/giao nhiệm vụ/Hợp đồng

- ² Ghi tên dự án/thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc thuộc gói thầu.
- ³ Ghi tên đơn vị kiểm tra chất lượng sản phẩm cấp chủ đầu tư.
- ⁴ Ghi tên đơn vị thi công.
- ⁵ Phải dẫn chiếu đến quy định cụ thể trong các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật, quy định trong dự án/thiết kế kỹ thuật - dự toán.
- ⁶ Người đại diện đơn vị được kiểm tra ký vào Biên bản kiểm tra phải là người phụ trách kỹ thuật của đơn vị thi công

TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ THI CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.... /.....
V/v đề nghị kiểm tra chất lượng
sản phẩm

(Địa danh), ngày tháng năm 20....

Kính gửi:

- [Chủ đầu tư];
- [Đơn vị thực hiện kiểm tra cấp chủ đầu tư (nếu có)]

Căn cứ:

Quyết định số [số quyết định] ngày [ngày tháng năm phê duyệt] của [cấp phê duyệt quyết định] phê duyệt dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc Đề cương và dự toán chi tiết [tên dự án];

[Văn bản giao nhiệm vụ] [hoặc hợp đồng kinh tế số ...] với [tên đơn vị thi công] về việc thực hiện thi công dự án [tên dự án];

Dự án [tên dự án], Thiết kế thi công - tổng dự toán [tên thiết kế kỹ thuật - Dự toán Dự án] hoặc Đề cương và dự toán chi tiết [tên dự án] đã được đơn vị [tên đơn vị thi công] thi công từ tháng.....năm..... đến tháng..... năm..... đảm bảo khối lượng và chất lượng sản phẩm.

[Tên đơn vị thi công] đã lập báo cáo tổng kết kỹ thuật; báo cáo kiểm tra chất lượng sản phẩm của đơn vị thi công (hồ sơ lập theo quy định gửi kèm theo công văn này).

Kính đề nghị [chủ đầu tư] kiểm tra, nghiệm thu dự án [tên dự án, dự án hoặc hạng mục dự án].

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ THI CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO TỔNG KẾT KỸ THUẬT

Công trình: (tên công trình hoặc hạng mục công trình)

Thuộc dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...: (tên dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...).

1. Các cơ sở pháp lý để thi công công trình: (nêu các văn bản pháp lý làm cơ sở cho việc thi công công trình).

2. Phạm vi khu vực thi công: (nêu vắn tắt vị trí địa lý và phạm vi hành chính của khu vực thi công).

3. Đặc điểm địa hình địa vật: (nêu vắn tắt đặc điểm địa hình, địa vật của khu vực thi công có ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và chất lượng sản phẩm).

4. Thời gian và đơn vị thi công: (nêu rõ thời gian bắt đầu, kết thúc và tên đơn vị thi công các hạng mục công việc).

5. Các văn bản pháp quy, tài liệu và số liệu sử dụng khi thi công:

- Nêu rõ tên và số, ngày, tháng, năm ban hành văn bản pháp quy:

- Nêu rõ nguồn gốc các tài liệu, số liệu sử dụng:

6. Các phương pháp và những giải pháp kỹ thuật đã áp dụng: (nêu rõ các phương pháp kỹ thuật, công nghệ đã áp dụng vào sản xuất, các trường hợp đã xử lý kỹ thuật ngoài phạm vi công trình, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... các ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong thi công cụ thể đến từng công đoạn).

7. Khối lượng công việc: (nêu rõ khối lượng công việc theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và thực tế thi công).

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Dự án, Thiết kế KT-DT được duyệt		Thực tế thi công		Ghi chú
			Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng	
1							
2							
3							

8. Kết luận và kiến nghị: (kết luận chung về chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, những vấn đề còn tồn tại và kiến nghị xử lý, kiến nghị những vấn đề phát sinh).

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ THI CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG SẢN PHẨM

Công trình: (tên công trình hoặc hạng mục công trình)

Thuộc dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...: (tên dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...)

I. Tình hình thực hiện công trình

1. Đơn vị thi công:
2. Thời gian thực hiện: Từ tháng ... năm đến tháng năm
3. Lực lượng kỹ thuật và thiết bị thi công:
4. Khối lượng đã thi công:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Dự án, thiết kế KT-DT được duyệt		Thực tế thi công	
			Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng
1						
2						
3						

5. Tài liệu đã sử dụng trong thi công:

(Nêu rõ nguồn gốc các tài liệu đã được sử dụng trong quá trình thi công).

6. Tổ chức thực hiện:

II. Tình hình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm của đơn vị thi công

1. Cơ sở pháp lý để kiểm tra nghiệm thu:

- Dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nêu đầy đủ tên văn bản, số, ngày, tháng, năm ban hành văn bản);

- Các văn bản quy chuẩn, quy định kỹ thuật và quy định kiểm tra đã áp dụng trong quá trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm (nêu rõ tên văn bản, số và ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành văn bản).

2. Thành phần kiểm tra (nêu rõ họ và tên, chức vụ các thành viên kiểm tra):

3. Nội dung và mức độ kiểm tra sản phẩm: (nêu rõ nội dung và mức độ kiểm tra từng hạng mục công việc của công trình theo quy định tại khoản 1, Điều 11 của Quy định này).

4. Kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm: (nêu cụ thể kết quả kiểm tra chất lượng, khối lượng từng hạng mục công việc).

III. Kết luận và kiến nghị

1. Về khối lượng: *(nêu tên đơn vị thi công)* đã hoàn thành
2. Về chất lượng: *(nêu tên sản phẩm)* đã thi công đạt yêu cầu kỹ thuật theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
3. Mức độ khó khăn (nếu có):
4. *(Nêu tên sản phẩm)* chuẩn bị giao nộp để kiểm tra, nghiệm thu đầy đủ và bảo đảm chất lượng theo quy định trong dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
5. Đề nghị chủ đầu tư *(nêu tên cơ quan chủ đầu tư)* chấp nhận chất lượng, khối lượng sản phẩm đã hoàn thành.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ THI CÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO SỬA CHỮA SẢN PHẨM

Kính gửi:

- [Chủ đầu tư];
- [Đơn vị thực hiện kiểm tra cấp chủ đầu tư (nếu có)]

Hạng mục công việc, sản phẩm: Tên hạng mục công việc, sản phẩm

Thuộc Dự án/Thiết kế kỹ thuật - dự toán: Tên Dự án hoặc Thiết kế kỹ thuật - dự toán

Căn cứ vào biên bản kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm và các phiếu ghi ý kiến kèm theo của, Đơn vị thi công báo cáo [Chủ đầu tư] và [Đơn vị thực hiện kiểm tra cấp chủ đầu tư (nếu có)] như sau:

1. Nội dung và kết quả sửa chữa:

.....

.....

.....

.....

.....

2. Nội dung bảo lưu (nếu có):

.....

.....

.....

3. Kết luận, kiến nghị:

.....

.....

.....

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ GIÁM SÁT,
KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20....

BẢN XÁC NHẬN SỬA CHỮA SẢN PHẨM

Hạng mục công việc, sản phẩm: *[tên hạng mục, sản phẩm]*

Thuộc Dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán: *[tên dự án hoặc thiết kế kỹ thuật - dự toán]*

Căn cứ phiếu ghi ý kiến kiểm tra và Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm của
.....;

Căn cứ các sản phẩm giao nộp sau sửa chữa kèm theo báo cáo sửa chữa sản phẩm của đơn vị thi công;

1. [Đơn vị giám sát, kiểm tra] xác nhận [đơn vị thi công] đã sửa chữa các nội dung sau:

.....
.....
.....
.....
.....

2. Kết luận (*Chất lượng sản phẩm hạng mục, sản phẩm công việc đạt/chưa đạt yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật và dự án hoặc thiết kế kỹ thuật - dự toán đã phê duyệt*).

.....
.....
.....

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ GIÁM SÁT,
KIỂM TRA**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN KIỂM TRA
CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG SẢN PHẨM

Tên công trình hoặc hạng mục công trình:

Thuộc Dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...:

1. Cơ sở pháp lý để thực hiện

- Dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nêu đầy đủ tên văn bản, số và ngày, tháng, năm ban hành văn bản);

- Các quy chuẩn, quy định kỹ thuật và quy định kiểm tra đã áp dụng trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm: (nêu đầy đủ tên văn bản, số và ngày, tháng, năm ban hành văn bản);

- Các văn bản liên quan khác (nếu có).

2. Đại diện đơn vị giám sát, kiểm tra: (nêu rõ họ và tên, chức vụ của các thành viên tham gia kiểm tra).

3. Đại diện đơn vị thi công: (nêu rõ họ và tên, chức vụ của các thành viên tham gia kiểm tra).

4. Thời gian kiểm tra

Bắt đầu: ngày tháng ... năm

Kết thúc: ngày tháng ... năm

5. Khối lượng, mức độ khó khăn (nếu có) và chất lượng các sản phẩm của các hạng mục công việc đã kiểm tra:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Dự án, thiết kế KT-DT được duyệt		Thực tế thi công		Tăng, giảm (+,-)	Đánh giá
			Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng		
1								
2								
3								

6. Kết luận và kiến nghị

a) Về khối lượng đã hoàn thành: nêu cụ thể tên các hạng mục công việc nếu không thay đổi (như bảng tại mục 5)

b) Về chất lượng: (nêu kết luận chung về chất lượng của các hạng mục công việc đạt yêu cầu hay không đạt yêu cầu kỹ thuật theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt)

- Chấp nhận để tồn tại: (nếu có)

- Chất lượng sản phẩm: không đạt yêu cầu nhưng vẫn chấp nhận (nếu có)

c) Mức độ khó khăn (nếu có): *(cần nêu cụ thể mức độ khó khăn của từng hạng mục công việc hoặc chấp nhận mức độ khó khăn theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt)*

d) Về những thay đổi trong quá trình thi công so với thiết kế (nếu có):

- Về khối lượng phát sinh (nếu có)

- Về việc thay đổi thiết kế đã được duyệt (nếu có)

Biên bản lập thành 04 bản, 01 (một) bản giao cho đơn vị thi công, 03 (ba) bản lập hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng cấp chủ đầu tư.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ GIÁM SÁT, KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ GIÁM SÁT, KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO GIÁM SÁT, KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG SẢN PHẨM

Công trình: (tên công trình hoặc hạng mục công trình).

Thuộc dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...: (tên dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...).

I. Cơ sở pháp lý để thực hiện

- Dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (nêu đầy đủ tên văn bản, số và ngày, tháng, năm ban hành văn bản);

- Các quy chuẩn, quy định kỹ thuật và quy định kiểm tra đã áp dụng trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm: (nêu đầy đủ tên văn bản, số và ngày, tháng, năm ban hành văn bản);

- Các văn bản liên quan khác (nếu có).

II. Thành phần giám sát, kiểm tra: (nêu rõ họ và tên, chức vụ của các thành viên tham gia giám sát, kiểm tra).

III. Thời gian giám sát, kiểm tra: Từ ngày .../.../..... đến ngày .../.../.....

IV. Tình hình giám sát quản lý chất lượng sản phẩm của đơn vị giám sát, kiểm tra

1. Tình hình thực hiện công trình

1.1 Đơn vị thi công:

1.2. Thời gian thực hiện: Từ tháng năm đến tháng năm

1.3. Lực lượng kỹ thuật và thiết bị thi công: (Nêu cụ thể chính xác máy móc, thiết bị thi công, phần mềm sử dụng khi thi công công trình)

1.4. Khối lượng đã thi công: (Khái quát việc kiểm tra đánh giá chất lượng một phần hay toàn bộ khối lượng các hạng mục công trình thuộc kế hoạch năm)

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng		Ghi chú
			Dự án, thiết kế KT - DT được duyệt	Thực tế thi công	
1					
2					

1.5. Tài liệu đã sử dụng trong thi công: (Nêu rõ nguồn gốc các tài liệu đã được sử dụng trong quá trình thi công)

1.6. Tổ chức thực hiện: (Nêu rõ chủ đầu tư giao cho đơn vị, bộ phận nào thi công những phần việc và hạng mục nào)

2. Tiến độ thực hiện: (Đánh giá tiến độ thi công có đảm bảo theo kế hoạch về tiến độ thi công và tiến độ kiểm tra chất lượng công trình, sản phẩm của từng hạng mục công việc)

3. Quy trình thực hiện: (Đánh giá quy trình thi công có đảm bảo theo dự án, thiết kế kỹ thuật dự toán, ... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt của từng hạng mục công việc)

4. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm của đơn vị thi công

- Tình hình kiểm tra chất lượng của đơn vị thi công:

(+ *Đánh giá công tác kiểm tra chất lượng các hạng mục công việc của đơn vị thi công theo quy định tại khoản 1, Điều 11 của Quy định này;*

+ *Đánh giá tính đầy đủ hợp lệ công tác kiểm tra chất lượng của đơn vị thi công theo quy định. Nhận xét về các thay đổi phát sinh, tồn tại do đơn vị thi công đã báo cáo.)*

5. Hồ sơ nghiệm thu của đơn vị thi công

Nhận xét và đánh giá về việc lập hồ sơ kiểm tra chất lượng của đơn vị thi công theo quy định Điều 12 của Quy định này)

V. Tình hình kiểm tra chất lượng, xác định khối lượng sản phẩm của đơn vị giám sát, kiểm tra

1. Nội dung kiểm tra và mức độ kiểm tra: *(nêu rõ nội dung và mức độ kiểm tra từng hạng mục công việc của công trình theo quy định tại khoản 1, Điều 11 của Quy định này).*

- Khái quát tất cả các hạng mục thi công của công trình;

- Tỷ lệ % kiểm tra theo quy định.

2. Kết quả kiểm tra

Khối lượng, mức độ khó khăn và chất lượng các sản phẩm của các hạng mục công việc:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Dự án, thiết kế KT-DT được duyệt		Thực tế thi công		Tăng, giảm (+,-)	Đánh giá
			Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng		
1								
2								

VI. Kết luận và kiến nghị

1. Về khối lượng: *(tên đơn vị thi công)* đã hoàn thành *(nêu khối lượng đơn vị thi công đã thực hiện)*

2. Về chất lượng: *(tên sản phẩm)* đã thi công đạt yêu cầu kỹ thuật theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt *(Đánh giá chung chất lượng các sản phẩm của công trình đã kiểm tra bao gồm cả khối lượng phát sinh).*

3. Về mức độ khó khăn (nếu có): *(Đánh giá mức độ khó khăn thực tế so với dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... đã được phê duyệt).*

4. *(Tên sản phẩm)* giao nộp đã được chuẩn bị đầy đủ và bảo đảm chất lượng theo quy định trong dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Đề nghị chủ đầu tư *(nêu tên cơ quan chủ đầu tư)* chấp nhận nghiệm thu *(hoặc không chấp nhận)* chất lượng, khối lượng sản phẩm đã hoàn thành.

ĐẠI DIỆN GIÁM SÁT, KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG SẢN PHẨM

Công trình: (Tên công trình hoặc hạng mục công trình)

Thuộc dự án, thiết kế KT-DT, ...: Tên dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...

I. Tình hình thực hiện công trình:

1. Đơn vị thi công:

2. Thời gian thực hiện: Từ tháng năm 20..... đến tháng năm 20.....

3. Lực lượng kỹ thuật và thiết bị thi công: (Nêu cụ thể chính xác máy móc, thiết bị thi công, phần mềm sử dụng khi thi công công trình).

4. Khối lượng đã thi công: (Khái quát việc đã thực hiện từng hạng mục công việc, từng năm kế hoạch và tổng thể dự án hoặc toàn bộ các hạng mục).

5. Tài liệu đã sử dụng trong thi công: Nêu rõ nguồn gốc các tài liệu đã được sử dụng trong quá trình thi công.

6. Tổ chức thực hiện: (Nêu rõ đơn vị, bộ phận nào thi công những phần việc và hạng mục nào).

II. Các căn cứ pháp lý thẩm định

- Quyết định phê duyệt dự án, thiết kế KT-DT, ...;
- Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp đơn vị thi công;
- Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp chủ đầu tư;
- Các sản phẩm đã hoàn thành và các tài liệu liên quan khác kèm theo.

III. Thành phần, nội dung và kết quả thẩm định

1. Thành phần

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

2. Nội dung

a) Việc tuân thủ dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản kỹ thuật liên quan khác;

b) Việc tuân thủ các quy định về công tác giám sát công trình, kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm;

c) Việc xử lý các phát sinh trong quá trình thi công của đơn vị giám sát, kiểm tra, chủ đầu tư và cơ quan quyết định đầu tư (nếu có);

d) Việc xác nhận chất lượng, khối lượng, mức độ khó khăn công trình sản phẩm đã hoàn thành của đơn vị giám sát, kiểm tra cấp chủ đầu tư.

3. Kết quả thẩm định

- a) Việc tuân thủ dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản kỹ thuật liên quan khác;
- b) Việc tuân thủ các quy định về công tác giám sát công trình, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm;
- c) Việc xử lý các phát sinh trong quá trình thi công của đơn vị giám sát, kiểm tra, chủ đầu tư và cơ quan quyết định đầu tư;
- d) Việc xác nhận chất lượng, khối lượng, mức độ khó khăn (nếu có) công trình sản phẩm đã hoàn thành của đơn vị giám sát, kiểm tra cấp chủ đầu tư;
- đ) Khối lượng, mức độ khó khăn (nếu có) và chất lượng các sản phẩm của các hạng mục công việc đã thẩm định.

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Dự án, thiết kế KT - DT được duyệt		Thực tế thi công		Thẩm định		
			Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng	Chất lượng
1	<i>(Nêu cụ thể tên các hạng mục công việc đã tiến hành thẩm định)</i>								
2									
3									

IV. Kết luận và kiến nghị

- Về khối lượng: (nêu tên đơn vị thi công) đã hoàn thành
 - Về chất lượng: (nêu tên sản phẩm) đã thi công đạt yêu cầu kỹ thuật theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
 - Mức khó khăn (nếu có).
 - (Nêu tên sản phẩm) chuẩn bị giao nộp đầy đủ và bảo đảm chất lượng theo quy định trong dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Đề nghị chủ đầu tư *(nêu tên cơ quan chủ đầu tư)* chấp nhận nghiệm thu *(hoặc không chấp nhận)* chất lượng, khối lượng sản phẩm đã hoàn thành.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN NGHIỆM THU CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG SẢN PHẨM

Tên công trình hoặc hạng mục công trình:

Thuộc dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...:

Được phê duyệt theo Quyết định số .../... ngày... tháng...năm của cơ quan quyết định đầu tư hoặc cơ quan chủ đầu tư (nếu được phân cấp)

- Chủ đầu tư công trình:
- Đơn vị thi công:
- Đơn vị giám sát, kiểm tra (nếu có tham gia nghiệm thu):

Các bên tiến hành nghiệm thu:

- Đại diện chủ đầu tư: (nêu rõ họ tên và chức vụ)
- Đại diện đơn thi công: (nêu rõ họ tên và chức vụ)
- Đại diện đơn vị giám sát, kiểm tra (nếu có tham gia nghiệm thu): (nêu rõ họ tên và chức vụ)

Các bên lập biên bản nghiệm thu công trình như sau:

- 1. Công tác thi công công trình:** (nêu rõ tên các công đoạn đã thi công).

- 2. Các bên đã xem xét các văn bản và các sản phẩm sau đây:**

- a) Các văn bản:

- Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm cấp đơn vị thi công;
- Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm cấp chủ đầu tư;
- Báo cáo thẩm định chất lượng, khối lượng sản phẩm;
- Các sản phẩm đã hoàn thành và các tài liệu liên quan khác kèm theo.

- b) Khối lượng, mức độ khó khăn và chất lượng các sản phẩm của các hạng mục công việc đã thẩm định:

[illegible]

3. Trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu kiểm tra, nghiệm thu, các bên xác nhận những điểm sau đây:

a) Về thời gian thực hiện hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình:

Bắt đầu: ngày tháng ... năm

Kết thúc: ngày tháng ... năm

b) Về khối lượng đã hoàn thành: *nêu cụ thể tên các hạng mục công việc nếu không thay đổi (như bảng tại mục 2.b)*

c) Về chất lượng: (nêu kết luận chung về chất lượng của các hạng mục công việc đạt yêu cầu hay không đạt yêu cầu kỹ thuật theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt).

- Chấp nhận để tồn tại: (nếu có)

- Chất lượng sản phẩm: không đạt yêu cầu nhưng vẫn chấp nhận (nếu có)

d) Sản phẩm chuẩn bị giao nộp: *(cần kết luận về mức độ đầy đủ về số lượng và bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành và của dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt)*

đ) Mức độ khó khăn: *(cần nêu cụ thể mức độ khó khăn của từng hạng mục công việc hoặc chấp nhận mức độ khó khăn theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt)*

e) Về những thay đổi trong quá trình thi công so với thiết kế (nếu có):

- Về khối lượng phát sinh (nếu có)

- Về việc thay đổi thiết kế đã được phê duyệt (nếu có)

4. Kết luận:

- Chấp nhận nghiệm thu các sản phẩm với khối lượng hoàn thành nêu ở mục 2.b (hoặc nêu cụ thể)

- Chấp nhận mức độ khó khăn của các hạng mục công việc: *(cần nêu cụ thể mức độ khó khăn của từng hạng mục công việc hoặc chấp nhận mức độ khó khăn theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt).*

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
THI CÔNG**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ,
đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
GIÁM SÁT, KIỂM TRA**
(nếu có tham gia nghiệm thu)
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng
dấu)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ,
đóng dấu)

Mẫu số 15

TÊN CƠ QUAN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
 (Địa danh), ngày tháng năm 20...

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG SẢN PHẨM

Tên công trình:

Thuộc dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...:

Các Quyết định phê duyệt dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... (nếu có): ghi số Quyết định, ngày tháng, cơ quan Quyết định.

Phạm vi công trình: nêu rõ thuộc những tỉnh, thành phố nào.

Đơn vị thi công: Tên đơn vị có tư cách pháp nhân đầy đủ đã tham gia thi công công trình.

Thời gian thi công: Từ thángnămđến tháng năm.....

Đơn vị giám sát, kiểm tra: Tên đơn vị giám sát, tra chất lượng công trình, sản phẩm.

Thời gian giám sát, kiểm tra chất lượng: Từ thángnămđến tháng năm.

Đơn vị thẩm định: Tên đơn vị thực hiện thẩm định.

Thời gian thẩm định: Từ thángnămđến tháng năm.

Bảng tổng hợp khối lượng

TT	Tên hạng mục công trình	Đơn vị tính	Dự án, Thiết kế KT - DT được duyệt	Khối lượng thi công hoàn thành				Ghi chú
				Tổng số	Năm 20...	Năm 20...	Năm...	
			KL	KL	KL	KL	KL	
1								
2								
3								

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 02
NỘI DUNG VÀ MỨC KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG CÁC HẠNG MỤC
SẢN PHẨM BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số/2025/QĐ-UBND
ngày ... tháng ... năm 2025 của UBND tỉnh Hải Dương)

STT	Tên công việc, sản phẩm và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Xây dựng lưới địa chính				
1	Xác định số lượng điểm địa chính, quy cách mốc, tường vây, lập ghi chú điểm địa chính, bàn giao điểm địa chính				
	- Xác định số lượng điểm địa chính, vị trí so với thiết kế, tầm thông suốt tới các điểm liên quan, thông hướng khi đo:				
	+ Theo đồ giải trên bản đồ	Điểm	100	30	Phiếu YKKT
	+ Thực địa	Điểm	20	5	Phiếu YKKT
	- Biên bản thỏa thuận sử dụng đất để xây dựng điểm địa chính/thông báo về việc xây dựng điểm địa chính trên đất sử dụng vào mục đích công cộng hoặc đất được giao quản lý	Biên bản	100	50	Phiếu YKKT
	- Chất lượng và quy cách mốc địa chính, tường vây điểm địa chính	Mốc	100	5	Phiếu YKKT
	- Chôn mốc, xây tường vây: kiểm tra quy cách chôn, quy cách gắn mốc, quy cách xây tường vây	Mốc	20	5	Phiếu YKKT
	- Ghi chú điểm địa chính:				
	+ Nội dung, hình thức ghi chú điểm	Mốc	100	30	Phiếu YKKT
	+ Kiểm tra ngoài thực địa	Mốc	20	5	Phiếu YKKT
	- Biên bản bàn giao điểm địa chính	Biên bản	100	50	Phiếu YKKT
2	Đo ngắm				
	- Kết quả kiểm nghiệm máy mốc và các thiết bị kỹ thuật có liên quan	văn bản có xác nhận của đơn vị kiểm nghiệm	100	100	Phiếu YKKT
	- Sơ đồ, đồ hình đo nối, tuyến đo so với thiết kế	Sơ đồ	100	100	Phiếu YKKT
	- Sổ nhật ký trạm đo, sổ đo và các tài liệu liên quan	Quyển	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	- Đo kiểm tra thực địa	Điểm	5	2	Kết quả đo, Phiếu YKKT
	- Kết quả tính khái lược và đánh giá chất lượng lưới địa chính	Điểm	100	20	Phiếu YKKT
3	Tính toán, bình sai				
	- Sơ đồ tính toán, bình sai, tệp tin số liệu và kết quả bình sai	Điểm	100	100	Phiếu YKKT
	- Sai số khép tọa độ	Điểm	100	30	Phiếu YKKT
	- Sai số khép độ cao	Đường	100	30	Phiếu YKKT
	- Tài liệu tính toán bình sai, đánh giá độ chính xác, thành quả đo đạc, các loại tài liệu liên quan	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
4	Tính đồng bộ, hợp lý				
	- Kiểm tra tính đồng bộ, hợp lý, lôgic của các tài liệu, thành quả đo đạc	Điểm	100	100	Phiếu YKKT
II	Đo vẽ bản đồ địa chính bằng phương pháp đo vẽ từ ảnh hàng không, kết hợp với phương pháp đo trực tiếp tại thực địa				
1	Khống chế ảnh mặt phẳng và độ cao ngoài trời				
	- Chọn chích điểm khống chế ảnh:				
	+ Sơ đồ vị trí điểm	Điểm	100	50	Phiếu YKKT
	+ Vị trí các điểm khống chế ảnh tại thực địa so với trên ảnh	Điểm	30	5	Phiếu YKKT
	- Tu chỉnh các điểm khống chế trên mặt trái, mặt phải của ảnh	Điểm	100	30	Phiếu YKKT
2	Điều vẽ ảnh				
	- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thừa đất	Bản mô tả	100	20	Phiếu YKKT
	- Tu chỉnh ảnh điều vẽ	Ảnh	100	30	Phiếu YKKT
	- Tiếp biên	Ảnh	100	30	Phiếu YKKT
	- Tính đầy đủ, chính xác biểu thị các nội dung bằng quan sát lập thể	Ảnh	10	3	Phiếu YKKT
	- Sử dụng các ký hiệu	Ảnh	100	30	Phiếu YKKT
	- Điều vẽ thực địa	Ảnh	50	10	Phiếu YKKT
	- Đo vẽ bù:				
	Tài liệu đo vẽ, cách biểu thị	Mảnh	100	10	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
3	Tăng dày không chế ảnh nội nghiệp				
	- Sơ đồ thiết kế khối tính	Sơ đồ	100	100	Phiếu YKKT
	- Định hướng	Mô hình	50	3	Phiếu YKKT
	- Chọn chích và đo điểm	Mô hình	30	3	Phiếu YKKT
	- Kết quả tính toán, bình sai khối	Khối	100	30	Phiếu YKKT
	- Tiếp biên giữa các khối, tiếp biên với khu đo lân cận	Khối	100	100	Phiếu YKKT
4	Đo vẽ nội dung bản đồ ở nội nghiệp				
	- Độ chính xác định hướng mô hình	Mô hình	30	3	Phiếu YKKT
	- Độ chính xác vẽ thửa đất, địa vật:				
	+ Bảng mặt thường	Mảnh	50	10	Phiếu YKKT
	+ Đo trực tiếp bằng máy (xác định vị trí, độ cao một số điểm để so sánh đối chiếu với ghi chú và vị trí thể hiện trên bản đồ)	Mảnh	20	3	Phiếu YKKT
	- Thể hiện các yếu tố nội dung theo ký hiệu	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Tiếp biên	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Tính diện tích	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Sổ mục kê đất đai	Quyển	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra thực địa:				Phiếu YKKT
	+ Đối soát hình thể, loại đất các thửa đất, vị trí tương hỗ các địa vật, các nội dung khác trên bản đồ	Mảnh	30	10	Phiếu YKKT
	+ Kiểm tra kích thước cạnh và vị trí điểm đỉnh thửa đất	Mảnh	50	10	Phiếu YKKT
	- Bảng tổng hợp các loại	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Biên tập và in bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Biên bản xác nhận công khai bản đồ địa chính	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
III	Đo vẽ bản đồ địa chính bằng phương pháp đo trực tiếp tại thực địa sử dụng máy toàn đạc điện tử; sử dụng công nghệ GNSS có kết hợp sử dụng máy toàn đạc hoặc thước thép hoặc máy đo chiều dài				
	- Kết quả kiểm nghiệm máy móc và các thiết bị kỹ thuật có liên quan	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Lưới không chế đo vẽ				

STT	Tên công việc, sản phẩm và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	+ Sơ đồ lưới	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	+ Sổ đo các loại	Sổ	50	20	Phiếu YKKT
	+ Tài liệu tính toán các loại	Tài liệu	50	10	Phiếu YKKT
	+ Tính toán bình sai, đánh giá độ chính xác	Điểm, tuyến	100	20	Phiếu YKKT
	+ Đo kiểm tra thực địa	Điểm, tuyến	10	5	Kết quả đo, Phiếu YKKT
	+ Tính chất, quy cách mốc các điểm khống chế đo vẽ	Mốc	100	20	Phiếu YKKT
	- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất	Bản mô tả	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo các khu vực chưa thống nhất, chưa xác định đường địa giới đơn vị hành chính (nếu có)	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra thực địa:				
	+ Đối soát hình thể, loại đất các thửa đất, vị trí tương hỗ các địa vật, các nội dung khác trên bản đồ	Mảnh	30	10	Phiếu YKKT
	+ Kiểm tra kích thước cạnh, vị trí điểm đỉnh thửa đất và diện tích thửa đất trên bản đồ địa chính số so với diện tích đo đạc xác định trực tiếp tại thực địa	Mảnh	30	10	Phiếu YKKT
	- Xác định hệ quy chiếu, hệ tọa độ, đơn vị đo; chia mảnh, đánh số; tỷ lệ; số lượng điểm địa chính của tờ bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra tỷ lệ đo vẽ bản đồ so với thiết kế	Mảnh	100	30	Phiếu YKKT
	- Trình bày trong, ngoài khung bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Thể hiện các yếu tố nội dung theo ký hiệu (kiểm tra trên bản đồ số, bản đồ giấy)	Mảnh	50	20	Phiếu YKKT
	- Tiếp biên	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Tính diện tích, tổng hợp diện tích	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra tính đồng bộ giữa các loại tài liệu	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Biên bản xác nhận công khai bản đồ địa chính	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Bảng tổng hợp diện tích, số thửa và số người sử dụng đất, người quản lý đất	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Sổ mục kê đất đai	Quyển	100	20	Phiếu YKKT
	- Biên tập và in bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
IV	Đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính				
1	Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính phạm vi khu vực rộng				
	- Kết quả kiểm nghiệm máy móc và các thiết bị kỹ thuật có liên quan	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Lưới khống chế đo vẽ (nếu có)				
	+ Sơ đồ lưới	Tài liệu	100	50	Phiếu YKKT
	+ Sổ đo các loại	Sổ	50	20	Phiếu YKKT
	+ Tài liệu tính toán các loại	Tài liệu	50	10	Phiếu YKKT
	+ Tính toán bình sai, đánh giá độ chính xác	Điểm, tuyến	100	20	Phiếu YKKT
	+ Đo kiểm tra thực địa	Điểm, tuyến	10	5	Phiếu YKKT
	+ Tính chất, quy cách mốc các điểm khống chế đo vẽ	Mốc	100	20	Phiếu YKKT
	- Căn cứ pháp lý để thực hiện đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Tài liệu sử dụng hợp pháp dữ liệu địa chính phù hợp với mục đích hoạt động đo đạc bản đồ	Tài liệu	100	50	Phiếu YKKT
	- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất	Bản mô tả	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo các khu vực chưa thống nhất, chưa xác định đường địa giới đơn vị hành chính (nếu có)	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Xác định hệ quy chiếu, hệ tọa độ, đơn vị đo; chia mảnh, đánh số; tỷ lệ; số lượng điểm địa chính của tờ bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Thể hiện các yếu tố nội dung theo ký hiệu (kiểm tra trên bản đồ số, bản đồ giấy)	Mảnh	50	20	Phiếu YKKT
	- Tiếp biên	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Tính diện tích	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra tính đồng bộ giữa các loại tài liệu	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra thực địa:				
	+ Đối soát hình thể, loại đất các thửa đất, vị trí tương hỗ các địa vật, các nội dung khác trên bản đồ	Mảnh	30	10	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	+ Kiểm tra kích thước cạnh, vị trí điểm đỉnh thửa đất	Mảnh	30	10	Phiếu YKKT
	- Bổ sung sổ mục kê	Sổ	100	30	Phiếu YKKT
	- Biên tập và in bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
2	Đo đạc chỉnh lý thửa đất				
	- Kết quả kiểm nghiệm máy móc và các thiết bị kỹ thuật có liên quan	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Căn cứ pháp lý để thực hiện đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Tài liệu sử dụng hợp pháp dữ liệu địa chính phù hợp với mục đích hoạt động đo đạc bản đồ	Tài liệu	100	50	Phiếu YKKT
	- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất	Bản mô tả	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo các khu vực chưa thống nhất, chưa xác định đường địa giới đơn vị hành chính (nếu có)	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Thể hiện các yếu tố nội dung theo ký hiệu	Thửa	100	50	Phiếu YKKT
	- Tính diện tích	Thửa	100	50	Phiếu YKKT
	- Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra thực địa:				
	+ Đối soát hình thể, loại đất	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	+ Kiểm tra kích thước cạnh, vị trí điểm đỉnh thửa đất	Thửa	30	10	Phiếu YKKT
	- Bổ sung sổ mục kê	Thửa	100	50	Phiếu YKKT
	- Biên tập và in	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
V	Trích đo bản đồ địa chính				
1	Trích đo địa chính thửa đất				
	- Kết quả kiểm nghiệm máy móc và các thiết bị kỹ thuật có liên quan	Tài liệu	100	100	Phiếu YKKT
	- Sổ đo các loại	Sổ	100	100	Phiếu YKKT
	- Tài liệu tính toán các loại	Tài liệu	100	100	Phiếu YKKT
	- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất	Bản mô tả	100	100	Phiếu YKKT
	- Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất	Thửa	100	100	Phiếu YKKT
	- Tính diện tích	Thửa	100	100	Phiếu YKKT
	- Hình thể, kích thước, loại đất thửa đất ngoài thực	Thửa	100	100	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	địa				
	- Bản số, bản vẽ trên giấy	Bản vẽ	100	100	Phiếu YKKT
2	Trích đo địa chính cụm các thửa đất (khu đất)				
	- Tài liệu kiểm định máy móc thiết bị	Tài liệu	100	100	Phiếu YKKT
	- Lưới không chế đo vẽ				
	+ Sơ đồ lưới	Sơ đồ	100	100	Phiếu YKKT
	+ Sổ đo các loại	Sổ	50	20	Phiếu YKKT
	+ Tài liệu tính toán các loại	Tài liệu	50	10	Phiếu YKKT
	+ Tính toán bình sai, đánh giá độ chính xác	Điểm, tuyến	100	20	Phiếu YKKT
	+ Đo kiểm tra thực địa	Điểm, tuyến	10	5	Kết quả đo, Phiếu YKKT
	- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất	Bản mô tả	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra thực địa:				
	+ Đối soát hình thể, loại đất các thửa đất, vị trí tương hỗ các địa vật, các nội dung khác trên bản đồ	Mảnh	30	10	Phiếu YKKT
	+ Kiểm tra kích thước cạnh, vị trí điểm đỉnh thửa đất	Mảnh	30	10	Phiếu YKKT
	- Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Xác định hệ quy chiếu, hệ tọa độ, đơn vị đo; chia mảnh, đánh số; tỷ lệ; số lượng điểm địa chính của tờ bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Thể hiện các yếu tố nội dung theo ký hiệu (kiểm tra trên bản đồ số, bản đồ giấy)	Mảnh	50	20	Phiếu YKKT
	- Trình bày trong, ngoài khung bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Tiếp biên	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Tính diện tích, tổng hợp diện tích	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra tính đồng bộ giữa các loại tài liệu	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Bảng tổng hợp diện tích, số thửa và số người sử dụng đất, người quản lý đất	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Sổ mục kê đất đai	Quyển	100	20	Phiếu YKKT
	- Biên tập và in bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
VI	Số hóa bản đồ địa chính, Chuyển hệ tọa độ bản				

STT	Tên công việc, sản phẩm và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	đồ địa chính từ HN-72 sang hệ tọa độ VN-2000				
	- Xác định tọa độ nấn chuyển (công thức tính chuyển, phương pháp...)	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Quét, nấn bản đồ địa chính	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Số hóa nội dung bản đồ địa chính (Giải pháp, thông số kỹ thuật, phần mềm sử dụng...)	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Tính diện tích	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Đối chiếu, so sánh diện tích giữa bản đồ số và bản đồ tài liệu	Mảnh	100	30	Phiếu YKKT
	- Biên tập và in bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT

(Ghi chú: Phiếu ý kiến kiểm tra viết tắt là Phiếu YKKT).